



bào fēng

暴风

noun · storm; violent wind

Example Sentences

Bào fēng bǎ shù chuī dǎo le
暴风把树吹倒了。

The storm blew the tree down.

Bào fēng guò hòu jiē dào shàng yī piàn láng jí
暴风过后，街道上 一片狼藉。

After the storm, the streets were in a mess.

Bào fēng jiā zá zhe dà yǔ ràng rén cùn bù nán xíng
暴风夹杂着大雨，让人寸步难行。

The storm, mixed with heavy rain, made it impossible to move.

Trace each character, then write the word on your own.

暴	暴	暴	暴	暴	暴	暴	暴	暴	暴	暴
暴	暴	暴	暴	暴	暴	暴				
风	风	风	风	风	风	风				